

BIÊN BẢN

Về việc thông báo công khai số liệu được giao dự toán thu chi ngân sách địa phương của trường Mầm non Cẩm Trung năm 2025

Hôm nay, hồi 08 giờ 00 ngày 21 tháng 07 năm 2025

Tại: Trường Mầm non Cẩm Trung.

I. Thành phần gồm:

- | | |
|---|-------------------|
| 1. Bà: Ngô Thị Huệ | - Hiệu trưởng |
| 2. Bà: Nguyễn Thị Thảo | - Phó Hiệu trưởng |
| 3. Bà Nguyễn Thị Mai Hương | - Phó Hiệu trưởng |
| 4. Bà: Nguyễn Thùy Nga | - Thư kí hội đồng |
| 5. Bà: Hoàng Thị Cẩm Vân | - Trưởng ban TTND |
| 6. Bà: Trần Thị Hằng | - Thủ quỹ |
| 7. Cán bộ, giáo viên, nhân viên trường Mầm non Cẩm Trung. | |

II. Nội dung:

Trường Mầm non Cẩm Trung đã tiến hành tổ chức công khai số liệu được giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2025 của trường Mầm non Cẩm Trung bằng hình thức công khai trong cuộc họp giao ban nhà trường, công khai trên cổng thông tin điện tử của nhà trường:

1. Căn cứ công khai

- Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

- Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ tài chính về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

- Thông tư: 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ Giáo Dục Đào Tạo về việc công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục Quốc dân.

- Căn cứ Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 01/07/2025 của UBND phường Cẩm Phả Về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương, phân bổ dự toán chi ngân sách cấp phường năm 2025;

2. Nội dung công khai

- Công khai số liệu giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương, phân bổ dự toán chi ngân sách cấp phường năm 2025 cho trường Mầm

non Cẩm Trung bằng hình thức công khai trên cổng thông tin điện tử của nhà trường. (Biểu số 02).

3. Hình thức công khai

Đăng tải trên cổng thông tin điện tử:

<https://campha.edu.vn/mncamtrung>

4. Thời điểm công khai

Từ ngày 21 tháng 07 năm 2025.

Trong thời gian công khai, mọi ý kiến đóng góp (nếu có) gửi về Ban thanh tra nhân dân để được xem xét, giải quyết theo quy định.

Biên bản lập xong hồi 08 giờ 45p cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN



Nguyễn Thùy Nga

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Ngô Thị Huệ

ĐẠI DIỆN NHỮNG NGƯỜI THAM DỰ



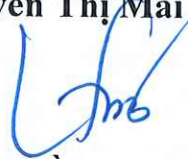
Nguyễn Thị Thảo



Nguyễn Thị Mai Hương



Hoàng Thị Cẩm Vân



Trần Thị Hằng

Số: 390/QĐ- MNCTr

Cẩm Phả, ngày 21 tháng 07 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu được giao dự toán thu chi ngân sách địa phương của trường Mầm non Cẩm Trung năm 2025.

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON CẨM TRUNG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của BTC về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 01/07/2025 Về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương, phân bổ dự toán chi ngân sách cấp phường năm 2025;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu được giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2025 của trường Mầm non Cẩm Trung (theo biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông, bà: Phó hiệu trưởng, chủ tịch công đoàn. Trưởng các tổ, bộ phận chuyên môn; phụ trách kế toán thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3
- Lưu: VT



Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường Mầm non Cẩm Trung
Chương: 822

DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Kèm theo Quyết định số /QĐ-MNCTr ngày 21/07/2025 của trường Mầm non Cẩm Trung về việc công khai số liệu được giao dự toán thu chi ngân sách địa phương năm 2025

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0
1	Số thu phí, lệ phí	0
1.1	Lệ phí	
	Học phí	
1.2	Phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	5.446.631.875
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	5.446.631.875
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4.612.495.176
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	834.136.699
	Nguồn kinh phí không thường xuyên	433.575.699
	Nguồn tiền thưởng	400.561.000
III	Tổng dự toán được chi từ ngân sách và nguồn học phí để lại	5.446.631.875



Số: 396 /TB-MNCTr

Cẩm Phả, ngày 22 tháng 07 năm 2025

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ
NƯỚC ĐẾN HẾT 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ Giáo Dục Đào Tạo về việc công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục Quốc dân.

Căn cứ Quyết định số 186/QĐ-PGDDT ngày 26/12/2024 Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách sự nghiệp giáo dục năm 2025 cho các đơn vị dự toán trực thuộc;

Trường Mầm non Cẩm Trung thông báo công khai tình hình thực hiện dự toán hết 6 tháng đầu năm 2025 đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, cụ thể như sau:

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện đến hết quý so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0	0	0	0
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0	0	0	0
2	Chi sự nghiệp GDĐT và dạy nghề				
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	8.502,021	3.885,858	45,75	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.244,191	410,054	32,96	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện đến hết quý với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
3	Chương trình mục tiêu				
3.1	Chương trình hành động về bình đẳng giới và phòng ngừa ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới	0	0	0	0
3.2	Chương trình bảo vệ trẻ em và thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021 - 2025	0	0	0	0
3.3	Chương trình phòng chống tệ nạn xã hội (Nghị quyết số 314/2020/ NQ-HĐND ngày 07/12/2020)	0	0	0	0
3.4	CTMTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và miền núi (Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng DTTS tỉnh Quảng Ninh)	0	0	0	0

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Ngô Thị Huệ

THUYẾT MINH CÔNG KHAI TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NSNN ĐẾN HẾT 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

(Kèm theo thông báo công khai tình hình thực hiện dự toán NSNN đến hết 6 tháng năm 2025)

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ Giáo Dục Đào Tạo về việc công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục Quốc dân

Căn cứ Quyết định số 186/QĐ-PGDDT ngày 26/12/2024 Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách sự nghiệp giáo dục năm 2025 cho các đơn vị dự toán trực thuộc;

Trường Mầm non Cẩm Trung công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán NSNN đến hết quý II năm 2025 như sau:

I. Tình hình thực hiện dự toán thu học phí: Kinh phí cấp bù học phí theo Nghị quyết 42/NQ-HĐND: 238.125.000 đồng

II. Tình hình thực hiện dự toán chi nguồn NSNN:

Dự toán được giao: 9.467.212.000 đồng, phần kinh phí thường xuyên tự chủ: 8.502.021.000 đồng; kinh phí thường xuyên không tự chủ: 1.244.191.000 đồng.

Tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước đến hết 6 tháng đầu năm 2025 như sau:

DVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán	Tình hình giải ngân	Cùng kỳ năm trước
1	Kinh phí quản lý hành chính tự chủ	0	0	0
2	Kinh phí quản lý hành chính không tự chủ	0	0	0
3	Kinh phí chi sự nghiệp giáo dục	9.467,212	4.299,580	
4	Kinh phí chi đảm bảo xã hội			

TÊN ĐƠN VỊ: TRƯỜNG MẦM NON CẨM TRUNG
MÃ ĐV QHNS: 1039129

THUYẾT MINH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THEO NHÓM MỤC CHI NSNN
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

STT	Nội dung	Tổng số lũy kế	6 tháng đầu năm	Ghi chú
	TỔNG CHI	4.295.913.125	4.295.913.125	
	CHI TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH CẤP	4.295.913.125	4.295.913.125	
A	Kinh phí tự chủ	3.885.858.824	3.885.858.824	
1	Tiền lương	1.932.251.813	1.932.251.813	
	Lương theo ngạch, bậc	1.932.251.813	1.932.251.813	
	Tiền công			
2	Phụ cấp lương	1.128.158.827	1.128.158.827	
	Phụ cấp chức vụ	29.484.000	29.484.000	
	Phụ cấp khu vực	52.884.000	52.884.000	
	Phụ cấp ưu đãi nghề	691.770.561	691.770.561	
	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc			
	Phụ cấp thâm niên vượt khung, thâm niên nghề	354.020.266	354.020.266	
3	Phúc lợi tập thể	89.869.000	89.869.000	
	Thưởng thường xuyên	2.700.000	2.700.000	
	Thưởng khác	324.000	324.000	
	Chi khác	86.845.000	86.845.000	
4	Các khoản đóng góp	542.660.532	542.660.532	
	Bảo hiểm xã hội	410.503.878	410.503.878	
	Bảo hiểm y tế	70.059.900	70.059.900	
	Kinh phí công đoàn	38.743.454	38.743.454	
	Bảo hiểm thất nghiệp	23.353.300	23.353.300	
5	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	0	0	
	Chi khác			
6	Thanh toán dịch vụ công cộng	36.182.036	36.182.036	
	Tiền điện	5.704.911	5.704.911	
	Tiền nước	20.222.125	20.222.125	
	Tiền vệ sinh, môi trường	9.360.000	9.360.000	
	Chi khác	895.000	895.000	
7	Vật tư văn phòng	15.003.720	15.003.720	
	Văn phòng phẩm	5.403.720	5.403.720	
	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng			
	Khoán văn phòng phẩm	9.600.000	9.600.000	
	Vật tư văn phòng khác			
8	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	6.236.800	6.236.800	
	Cước phí điện thoại (không bao gồm khoán điện thoại), thuê bao đường điện thoại, fax	110.000	110.000	
	Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng	4.520.000	4.520.000	

	Tuyên truyền, quảng cáo			
	Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách, báo, tạp chí, thư viện	1.606.800	1.606.800	
	Chi khác			
9	Công tác phí	2.160.000	2.160.000	
	Tiền vé máy bay, tàu, xe	360.000	360.000	
	Tiền phụ cấp công tác phí			
	Tiền thuê phòng ngủ			
	Tiền khoán công tác phí	1.800.000	1.800.000	
10	Chi phí thuê mướn	20.359.750	20.359.750	
	Thuê thiết bị các loại	8.840.000	8.840.000	
	Chi phí thuê mướn khác	11.519.750	11.519.750	
11	Sửa chữa thường xuyên	28.685.000	28.685.000	
	Thiết bị công nghệ thông tin	15.685.000	15.685.000	
	Tài sản và thiết bị văn phòng	13.000.000	13.000.000	
	Đường điện, cấp thoát nước	3.667.000	3.667.000	
	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác			
12	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	73.626.808	73.626.808	
	Chi khác	73.626.808	73.626.808	
13	Chi khác	10.664.538	10.664.538	
	Chi các khoản phí và lệ phí	66.538	66.538	
	Chi các khoản khác	10.598.000	10.598.000	
B	Kinh phí không tự chủ	410.054.301	410.054.301	
1	Phụ cấp ưu đãi nghề	46.339.301	46.339.301	
2	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	2.100.000	2.100.000	
3	Thuê lao động trong nước	106.200.000	106.200.000	
4	Thuê đào tạo lại cán bộ	13.200.000	13.200.000	
5	Chi khác 7049	1.850.000	1.850.000	
6	Chi khác 7499	2.240.000	2.240.000	
7	Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	238.125.000	238.125.000	

Cẩm Phả, ngày tháng 7 năm 2024

KÊ TOÁN



Mai Thị Thanh Nga

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Ngô Thị Huệ

BIÊN BẢN

Về việc thông báo công khai thực hiện dự toán thu chi ngân sách quý 2 và 6 tháng đầu năm 2025

Hôm nay, hồi 08 giờ 00 ngày 21 tháng 07 năm 2025

Tại: Trường Mầm non Cẩm Trung.

I. Thành phần gồm:

- | | |
|---|-------------------|
| 1. Bà: Ngô Thị Huệ | - Hiệu trưởng |
| 2. Bà: Nguyễn Thị Thảo | - Phó Hiệu trưởng |
| 3. Bà Nguyễn Thị Mai Hương | - Phó Hiệu trưởng |
| 4. Bà: Nguyễn Thùy Nga | - Thư kí hội đồng |
| 5. Bà: Hoàng Thị Cẩm Vân | - Trưởng ban TTND |
| 6. Bà: Trần Thị Hằng | - Thủ quỹ |
| 7. Cán bộ, giáo viên, nhân viên trường Mầm non Cẩm Trung. | |

II. Nội dung:

Theo quy định, trường Mầm non Cẩm Trung thông báo công khai thực hiện dự toán thu, chi ngân sách quý 2 và 6 tháng đầu năm 2025. Hình thức công khai trong cuộc họp giao ban nhà trường, công khai trên cổng thông tin điện tử của nhà trường:

1. Căn cứ công khai

- Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

- Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ tài chính về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

- Thông tư: 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ Giáo Dục Đào Tạo về việc công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục Quốc dân.

- Căn cứ vào bảng đối chiếu tình hình sử dụng kinh phí ngân sách tại kho bạc quý 2 và 6 tháng đầu năm 2025;

2. Nội dung công khai

- Công khai tình hình thực hiện dự toán thu ngân sách nhà nước quý 2 và 6 tháng đầu năm 2025 bằng hình thức công khai trên cổng thông tin điện tử của nhà trường. (Biểu số 03).

3. Hình thức công khai

Đăng tải trên công thông tin điện tử:
<https://campha.edu.vn/mncamtrung>

4. Thời điểm công khai

Từ ngày 21 tháng 07 năm 2025.

Trong thời gian công khai, mọi ý kiến đóng góp (nếu có) gửi về Ban thanh tra nhân dân để được xem xét, giải quyết theo quy định.

Biên bản lập xong hồi 08 giờ 30p cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN



Nguyễn Thùy Nga

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Ngô Thị Huệ

ĐẠI DIỆN NHỮNG NGƯỜI THAM DỰ



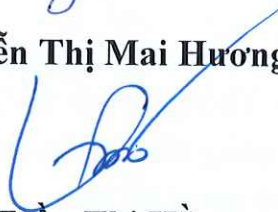
Nguyễn Thị Thảo



Nguyễn Thị Mai Hương



Hoàng Thị Cẩm Vân



Trần Thị Hằng

Số: 395 /TB-MNCTr

Cẩm Phả, ngày 22 tháng 07 năm 2025

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ
NƯỚC ĐẾN HẾT QUÝ II NĂM 2025

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ Giáo Dục Đào Tạo về việc công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục Quốc dân.

Căn cứ Quyết định số 186/QĐ-PGDDT ngày 26/12/2024 Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách sự nghiệp giáo dục năm 2025 cho các đơn vị dự toán trực thuộc;

Trường Mầm non Cẩm Trung thông báo công khai tình hình thực hiện dự toán hết quý II năm 2025 đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, cụ thể như sau:

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện quý II	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện đến hết quý so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0	0	0	0
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0	0	0	0
2	Chi sự nghiệp GDĐT và dạy nghề				
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	8.502,021	1.948,707	22,92	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.244,191	356,954	28,69	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện quý II	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện đến hết quý so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
3	Chương trình mục tiêu				
3.1	Chương trình hành động về bình đẳng giới và phòng ngừa ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới	0	0	0	0
3.2	Chương trình bảo vệ trẻ em và thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021 - 2025	0	0	0	0
3.3	Chương trình phòng chống tệ nạn xã hội (Nghị quyết số 314/2020/ NQ-HĐND ngày 07/12/2020)	0	0	0	0
3.4	CTMTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và miền núi (Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng DTTS tỉnh Quảng Ninh)	0	0	0	0

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Ngô Thị Huệ

THUYẾT MINH CÔNG KHAI TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NSNN ĐẾN HẾT QUÝ II NĂM 2025

(Kèm theo thông báo công khai tình hình thực hiện dự toán NSNN đến hết quý II năm 2025)

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017;

Căn cứ Quyết định số 186/QĐ-PGDDT ngày 26/12/2024 Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách sự nghiệp giáo dục năm 2025 cho các đơn vị dự toán trực thuộc;

Trường Mầm non Cẩm Trung công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán NSNN đến hết quý II năm 2025 như sau:

I. Tình hình thực hiện dự toán thu học phí: Kinh phí cấp bù học phí theo Nghị quyết 42/NQ-HĐND: 238.125.000 đồng

II. Tình hình thực hiện dự toán chi nguồn NSNN:

Dự toán được giao: 9.467.212.000đồng, phần kinh phí thường xuyên tự chủ: 8.502.021.000đồng; kinh phí thường xuyên không tự chủ: 1.244.191.000đồng.

Tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước đến hết quý II năm 2025 như sau:

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán	Tình hình giải ngân	Cùng kỳ năm trước
1	Kinh phí quản lý hành chính tự chủ	0	0	0
2	Kinh phí quản lý hành chính không tự chủ	0	0	0
3	Kinh phí chi sự nghiệp giáo dục	9.467,212	2.305,661	
4	Kinh phí chi đảm bảo xã hội			

TÊN ĐƠN VỊ: TRƯỜNG MẦM NON CẨM TRUNG
MÃ ĐV QHNS: 1039129

THUYẾT MINH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THEO NHÓM MỤC CHI NSNN
QUÝ 2 NĂM 2025

STT	Nội dung	Tổng số lũy kế	Quý II	Ghi chú
	TỔNG CHI	4.295.913.125	2.305.661.287	
	CHI TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH CẤP	4.295.913.125	2.305.661.287	
A	Kinh phí tự chủ	3.885.858.824	1.948.706.986	
1	Tiền lương	1.932.251.813	959.842.477	
	Lương theo ngạch, bậc	1.932.251.813	959.842.477	
	Tiền công			
2	Phụ cấp lương	1.128.158.827	565.500.158	
	Phụ cấp chức vụ	29.484.000	14.742.000	
	Phụ cấp khu vực	52.884.000	26.442.000	
	Phụ cấp ưu đãi nghề	691.770.561	345.685.860	
	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc			
	Phụ cấp thâm niên vượt khung, thâm niên nghề	354.020.266	178.630.298	
3	Phúc lợi tập thể	89.869.000	26.956.500	
	Thưởng thường xuyên	2.700.000	2.700.000	
	Thưởng khác	324.000	324.000	
	Chi khác	86.845.000	23.932.500	
4	Các khoản đóng góp	542.660.532	268.588.787	
	Bảo hiểm xã hội	410.503.878	206.336.767	
	Bảo hiểm y tế	70.059.900	35.059.824	
	Kinh phí công đoàn	38.743.454	15.505.588	
	Bảo hiểm thất nghiệp	23.353.300	11.686.608	
5	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	0	0	
	Chi khác			
6	Thanh toán dịch vụ công cộng	36.182.036	24.898.786	
	Tiền điện	5.704.911	5.704.911	
	Tiền nước	20.222.125	8.938.875	
	Tiền vệ sinh, môi trường	9.360.000	9.360.000	
	Chi khác	895.000	895.000	
7	Vật tư văn phòng	15.003.720	5.403.720	
	Văn phòng phẩm	5.403.720	5.403.720	
	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng			
	Khoản văn phòng phẩm	9.600.000		
	Vật tư văn phòng khác			
8	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	6.236.800	3.467.400	
	Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại), thuê bao đường điện thoại, fax	110.000	66.000	
	Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng	4.520.000	2.712.000	

	Tuyên truyền, quảng cáo			
	Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách, báo, tạp chí, thư viện	1.606.800	689.400	
	Chi khác			
9	Công tác phí	2.160.000	1.260.000	
	Tiền vé máy bay, tàu, xe	360.000	360.000	
	Tiền phụ cấp công tác phí			
	Tiền thuê phòng ngủ			
	Tiền khoán công tác phí	1.800.000	900.000	
10	Chi phí thuê mướn	20.359.750	20.359.750	
	Thuê thiết bị các loại	8.840.000	8.840.000	
	Chi phí thuê mướn khác	11.519.750	11.519.750	
11	Sửa chữa thường xuyên	28.685.000	14.200.000	
	Thiết bị công nghệ thông tin	15.685.000	14.200.000	
	Tài sản và thiết bị văn phòng	13.000.000		
	Đường điện, cấp thoát nước	3.667.000		
	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác			
12	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	73.626.808	52.028.408	
	Chi khác	73.626.808	52.028.408	
13	Chi khác	10.664.538	6.201.000	
	Chi các khoản phí và lệ phí	66.538		
	Chi các khoản khác	10.598.000	6.201.000	
B	Kinh phí không tự chủ	410.054.301	356.954.301	
1	Phụ cấp ưu đãi nghề	46.339.301	46.339.301	
2	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	2.100.000	2.100.000	
3	Thuê lao động trong nước	106.200.000	53.100.000	
4	Thuê đào tạo lại cán bộ	13.200.000	13.200.000	
5	Chi khác 7049	1.850.000	1.850.000	
6	Chi khác 7499	2.240.000	2.240.000	
7	Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	238.125.000	238.125.000	

Cẩm Phả, ngày tháng 7 năm 2024

KẾ TOÁN



Mai Thị Thanh Nga

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Ngô Thị Huệ

Đơn vị: Trường Mầm non Cẩm Trung

Mã QHNS: 1039129

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cẩm Phả, ngày tháng 7 năm 2025

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH

Quý II năm 2025

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	9.746.212.000	2.305.661.287	23,66	
I	Nguồn ngân sách trong nước	9.746.212.000	2.305.661.287	23,66	
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	9.746.212.000	2.305.661.287	23,66	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	8.502.021.000	1.948.706.986	22,92	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.244.191.000	356.954.301	28,69	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Thủ trưởng đơn vị



Ngô Thị Huệ



Đơn vị: Trường Mầm non Cẩm Trung

Mã QHNS: 1039129

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cẩm Phả, ngày 21 tháng 7 năm 2025

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH

6 tháng đầu năm 2025

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	9.746.212.000	4.299.580.125	44,12	
I	Nguồn ngân sách trong nước	9.746.212.000	4.299.580.125	44,12	
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	9.746.212.000	4.299.580.125	44,12	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	8.502.021.000	3.889.525.824	45,75	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.244.191.000	410.054.301	32,96	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Thủ trưởng đơn vị



Ngô Thị Huệ

